

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC
SÀI GÒN CHỢ LỚN



CTY CP-ĐT & ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN
SAO Y BẢN CHÍNH
Số: 01 Ngày: 11/01/17

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Phụng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

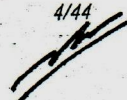
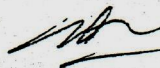
CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	5
Điều 1: Giải thích từ ngữ	5
Điều 2: Tên, trụ sở và hình thức hoạt động của Công ty	6
Điều 3: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
Điều 4: Tư cách pháp nhân và phạm vi trách nhiệm	9
Điều 5: Thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật.....	9
Điều 6: Quyền hạn & nghĩa vụ của Công ty	9
Điều 7: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty	10
CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU.....	10
Điều 8: Vốn điều lệ và vốn hoạt động	10
Điều 9: Cổ phần.....	11
Điều 10: Quy định chung về cổ đông phổ thông	12
Điều 11: Quyền của cổ đông phổ thông	12
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	14
Điều 13: Cổ đông phổ thông sáng lập	14
Điều 14: Cổ phiếu.....	14
Điều 15: Phát hành cổ phiếu và trái phiếu	15
Điều 16: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 17: Thừa kế cổ phần	17
Điều 18: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	17
Điều 19: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	18
Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	18
Điều 21: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức được trả không hợp pháp	19
Điều 22: Thanh toán cổ phiếu, trái phiếu.....	19
Điều 23: Sổ đăng ký cổ đông	19
CHƯƠNG III TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT.....	19
Điều 24: Cơ cấu tổ chức quản lý	19
MỤC 1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
Điều 25: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 26: Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	20
Điều 27: Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	20



Điều 28: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 29: Thẻ thức họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 31: Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 32: Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
MỤC 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị.....	24
Điều 34: Thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 35: Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 36: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	29
MỤC 3 TỔNG GIÁM ĐỐC.....	29
VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.....	29
Điều 39: Tổng Giám đốc.....	29
Điều 40: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	30
Điều 41: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách.....	31
Điều 42: Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc.....	31
Điều 43: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	32
Điều 44: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận.....	32
MỤC 4 BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 45: Quy định chung về Ban kiểm soát.....	33
Điều 46: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	34
Điều 47: Trưởng Ban kiểm soát.....	35
Điều 48: Từ chức, miễn nhiệm Ban kiểm soát.....	36
Điều 49: Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
CHƯƠNG IV NĂM TÀI KHOÁ, CHẾ ĐỘ HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ, CHIA CỔ TỨC.....	37
Điều 50: Năm tài khoá.....	37
Điều 51: Chế độ hạch toán.....	38
Điều 52: Chế độ phân phối lợi nhuận và lập quỹ.....	38
Điều 53: Trả cổ tức.....	39
CHƯƠNG V CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	39
Điều 54: Chấm dứt hoạt động.....	39

Điều 55: Gia hạn hoạt động	40
Điều 56: Phá sản, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty	40
Điều 57: Thanh lý	40
CHƯƠNG VI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
Điều 59: Người lao động	42
CHƯƠNG VII QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY	
Điều 60 : Quan hệ giữa Tổng công ty và công ty	41
CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG ..	42
Điều 61: Điều khoản thi hành	42
Điều 62: Điều khoản cuối cùng	43



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn (dưới đây gọi là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ, các Quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này gồm 8 Chương có 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 29 tháng 10 năm 2015.

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2005.
 - b. “**Pháp luật**” có nghĩa là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.
 - c. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn.
 - d. “**Vốn điều lệ**” là số vốn do các cổ đông đóng góp vào Công ty và được quy định tại Điều lệ này.
 - e. “**Cổ phần**” là những phần bằng nhau được chia từ vốn điều lệ Công ty.
 - f. “**Cổ đông**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - g. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ để xác định quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của các cổ đông góp vốn trong Công ty.
 - h. “**Cổ tức**” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
 - i. “**Sổ đăng ký cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai, trong đó có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.
 - j. “**Người quản lý Công ty**” là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, Trưởng và Phó các Phòng chức năng Công ty, Trưởng và Phó các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - k. “**Nhóm cổ đông liên kết**” là các cổ đông liên kết lại để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

- l. “Người đại diện cổ đông” là người đại diện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông liên kết, nhân danh cổ đông hoặc nhóm cổ đông liên kết để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
- m. “Người liên quan” là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, một tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 2: Tên, trụ sở và hình thức hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN**
 - a. Tên giao dịch quốc tế: **SAIGON CHOLON INVESTMENT AND REAL ESTATE JOINT-STOCK COMPANY**
 - b. Tên viết tắt: **SAIGON CHOLON INRESKO**



2. Logo:
3. Trụ sở chính: **220 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5, TP. HCM**
Điện thoại: **(848) 39.244645 – 39.244648**
Fax: **(848) 39.244647**
E-mail: **SCI@saigoncholoninresco.com.vn**
Web: **www.sci.com.vn**
4. Các đơn vị trực thuộc :
 - Xí nghiệp XD số 1 (220 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5)
 - Xí nghiệp tư vấn Thiết kế (220 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5) ;
 - Các Đội xây lắp, Đội đập phá tháo dỡ công trình (220 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5);
 - Sàn Giao dịch bất động sản Nguyễn Biểu (220 Nguyễn Biểu, phường 2, quận 5).
5. Tùy theo tình hình hoạt động, Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý trong và ngoài nước để hỗ trợ cho các mục tiêu của Công ty phù hợp với Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Hình thức hoạt động: Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Chợ Lớn và là Công ty con của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – Trách

nhiệm hữu hạn một thành viên, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 3: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập nhằm huy động mọi khả năng, kinh nghiệm, nguồn vốn, cơ sở vật chất do Nhà nước và các cổ đông khác đóng góp để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh nhà. Qua đó, nâng cao hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh của đơn vị, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức chi trả cho cổ đông, đóng góp cho Nhà nước theo luật định và đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển Công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- a. Quản lý và kinh doanh nhà;
- b. Xây dựng những công trình về nhà ở, trang trí nội thất, nâng cấp cải tạo nhà, xây dựng trụ sở làm việc cho các đơn vị trong và ngoài nước, xây dựng khách sạn và các công trình phúc lợi công cộng khác;
- c. Kinh doanh nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng khác;
- d. Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị - nhóm B, C;
- e. Thiết kế quy hoạch chi tiết khu dân cư thuộc cấp thành phố, cấp tỉnh quản lý;
- f. Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị có tổng mức đầu tư đến 1/2 nhóm B;
- g. Quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát kỹ thuật xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm B, C;
- h. Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu về thiết kế, xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm B, C;
- i. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất phục vụ cho các nhu cầu trong xây dựng (không sản xuất vật liệu xây dựng, gốm, sứ, thủy tinh, chế biến gỗ tại trụ sở);
- j. Xây dựng các công trình giao thông (cầu đường) khu dân cư đô thị, công trình thủy lợi;
- k. San lấp mặt bằng, xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu dân cư đô thị, cụm dân cư nông thôn;
- l. Tư vấn xây dựng theo các nội dung trong Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ (chỉ hoạt động thiết kế khi có chứng chỉ hành nghề);
- m. Khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ. Đo vẽ bản đồ địa hình. Hiệu chỉnh bản đồ địa hình. Kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ. Phục vụ khảo sát thiết kế công trình;
- n. Thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thang máy và các thiết bị cao tầng;

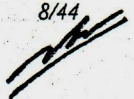
- o. Môi giới bất động sản. Tư vấn, dịch vụ về nhà đất, quảng cáo nhà đất. Tổ chức đền bù, giải tỏa mặt bằng cho các đơn vị đầu tư;
- p. Dịch vụ tư vấn đầu tư các dự án phát triển bất động sản;
- q. Cho thuê văn phòng;
- r. Khoan phá bê tông, phá dỡ công trình xây dựng;
- s. Dịch vụ di chuyển nhà cửa;
- t. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước;
- u. Mua bán dụng cụ, thiết bị, máy móc ngành xây dựng;
- v. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội ngoại thất công trình;
- w. Các lĩnh vực kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- x. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- y. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- z. Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng);
- aa. Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quang;
- bb. Về giáo dục : (Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục THCS, Giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề);
- cc. Xây dựng kỹ thuật công trình khác;
- dd. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ee. Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- ff. Tư vấn lập dự án, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng. Thiết kế kỹ thuật hạ tầng khu dân cư đô thị. Tư vấn giám sát thi công công trình;
- gg. Lắp đặt hệ thống điện;
- hh. Hoàn thiện công trình xây dựng;
- ii. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa rom, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại chi nhánh);
- jj. Hoạt động tư vấn quản lý : Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng;
- kk. Xây dựng nhà các loại : Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng công trình dân dụng.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

Công ty có thể tiến hành các lĩnh vực, hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.






Điều 4: Tư cách pháp nhân và phạm vi trách nhiệm

1. Tư cách pháp nhân:

- a. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- b. Có điều lệ tổ chức và hoạt động.
- c. Có con dấu riêng.
- d. Có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm tài chính giới hạn trong phạm vi số vốn điều lệ.
- e. Có quyền tự chủ về tài chính; tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

2. Phạm vi trách nhiệm:

Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 5: Thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật

1. **Thời hạn hoạt động:** Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo luật định. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

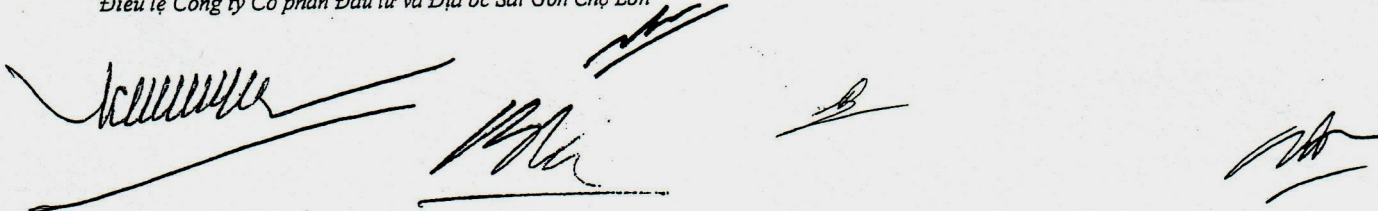
2. Người đại diện theo pháp luật:

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này.

Điều 6: Quyền hạn & nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có các quyền hạn sau đây:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- e. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- f. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- g. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- h. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- i. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- j. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.



k. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tổ tụng theo quy định của pháp luật.

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

c. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

d. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm..

e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

f. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

g. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.



CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

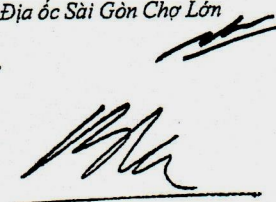
Điều 8: Vốn điều lệ và vốn hoạt động

Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam (sau đây gọi tắt là đồng).

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **23.000.000.000 đồng** (Hai mươi ba tỷ đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.300.000 cổ phần**, mỗi cổ phần có mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần** (Mười ngàn đồng/cổ phần).
3. Điều chỉnh vốn điều lệ:
 - a. Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: **12.067.500.000 đồng** (Mười hai tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn), chiếm 52,47% vốn điều lệ;
 - a. Vốn thuộc cổ đông là CBCNV và cổ đông khác: **10.932.500.000 đồng** (Mười tỷ chín trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn), chiếm 47,53% vốn điều lệ;
4. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động sau:
 - a. Xây dựng và mua sắm tài sản cố định để duy trì và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh;
 - b. Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ;
 - c. Cung cấp vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh;
 - d. Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác;
 - e. Mua cổ phiếu, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác;
 - f. Sử dụng vào các mục đích khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với pháp luật hiện hành;
 - g. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh,...).
5. Vốn hoạt động của Công ty bao gồm:
 - a. Vốn điều lệ;
 - b. Vốn huy động;
 - c. Các quỹ dự trữ bắt buộc;
 - d. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Cổ phần

1. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
2. Cổ phần của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác theo qui định của Pháp luật.
3. Trường hợp cổ phần được góp bằng giá trị quyền sử dụng đất hoặc các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì giá trị quyền sử dụng đất hoặc các tài sản khác đó phải là những tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy nhiệm cho Hội đồng quản trị.



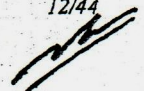
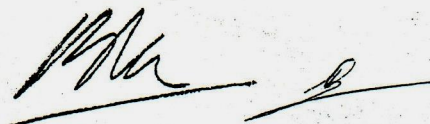
4. Việc đánh giá, chuyển quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Quy định chung về cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi các quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:
 - a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo qui định hiện hành của pháp luật.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nêu tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự thuộc tổ chức đó làm đại diện tại Công ty.
 - c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.
 - d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên Hội đồng quản trị của Công ty.
 - f. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản.
 - g. Người đại diện theo ủy quyền tại các điểm c và d của khoản này không được ủy quyền người khác làm đại diện thay.

Điều 11: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của pháp luật. Người được ủy quyền tham dự không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
3. Được nhận cổ tức với mức tương ứng với phần góp vốn theo kết quả kinh doanh của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Được quyền tự do mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo quy định trong Điều lệ này và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
5. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.



6. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được quyền nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) tương ứng với số cổ phần sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác.
7. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.
8. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
9. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có quyền:
 - a. Ứng cử hoặc đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các quy định sau đây:
 - i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ trên 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 35% được cử 2 người, từ trên 35% đến 50% được cử 3 người; từ trên 50% đến 65% được cử 4 người, từ trên 65% được cử 5 người.
 - ii. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào BKS của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ trên 10% đến 35% được cử 1 người, từ trên 35% đến 65% được cử 2 người, từ trên 65% được cử 3 người.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
11. Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.



Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.
2. Tự chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài chính, tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
3. Chấp hành và tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công;
6. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc có ý kiến bằng văn bản theo các hình thức và điều kiện được quy định tại Điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, mọi sự khiếu nại của cổ đông sẽ không được chấp thuận, kể cả quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ Công ty.
7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
9. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13: Cổ đông phổ thông sáng lập

Cổ đông sáng lập của Công ty là những cổ đông có đủ các điều kiện sau đây:

1. Tham gia thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động lần đầu của Công ty;
2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán trong vòng 3 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
3. Mỗi cổ đông phải sở hữu tối thiểu là 10% vốn điều lệ.

Điều 14: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông góp vốn vào Công ty và gọi là Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

2. Các cổ đông sau khi đã nộp tiền mua cổ phần của Công ty phải được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho tất cả cổ phần của mình.
3. Cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu của Công ty.
4. Nếu cổ phiếu bị rách, mờ, hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, hoặc bị tiêu hủy thì cổ đông có thể yêu cầu Công ty cấp một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng với điều kiện phải trả lại cổ phiếu cũ hoặc trình đủ các chứng cứ bị mất hoặc bị hủy hoại. Trong trường hợp để mất cổ phiếu, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và cơ quan Công an đồng thời làm đơn xin cấp lại cổ phiếu lần hai có thị thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.
5. Trong các trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của Công ty.

Điều 15: Phát hành cổ phiếu và trái phiếu

1. Phát hành cổ phiếu

- a. Việc phát hành cổ phiếu mới được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
- b. Cổ phiếu khi phát hành ra phải có đủ các yếu tố theo qui định của pháp luật và qui định tại Điều 14 của Điều lệ này mới có giá trị pháp lý. Khi phát hành cổ phiếu, phải vào Sổ đăng ký cổ đông và Sổ theo dõi phát hành cổ phiếu. Cổ đông của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ.

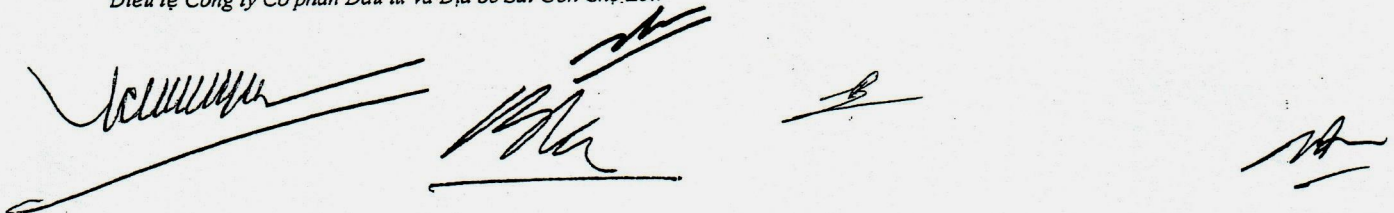
2. Phát hành trái phiếu

- a. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
- b. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Điều 16: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần

- a. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần

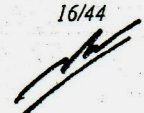


cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
- b. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán đối với số cổ phần được phát hành sau khi Công ty Cổ phần chính thức hoạt động.
- c. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:
- Cổ phần chào bán đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của từng cổ đông.
 - Cổ phần chào bán cho người làm môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- d. Đối với đối tượng đã đăng ký mua cổ phần mà không thực hiện việc thanh toán mua cổ phần theo đúng thời hạn quy định của Công ty thì việc xử lý cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
- e. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

2. Chuyển nhượng cổ phần

- a. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b. Cổ phần được coi là đã chào bán hoặc đã chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người đăng ký mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- c. Hình thức chuyển nhượng cổ phần được lập bằng văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định. Văn bản chuyển nhượng phải có chữ ký của các bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện hợp pháp của các bên. Cổ đông



muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký làm thủ tục tại trụ sở chính của Công ty.

- d. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần có nghĩa vụ nộp lại cổ phiếu cho Công ty, Công ty thu hồi cổ phiếu cũ của bên chuyển nhượng và cấp miễn phí cổ phiếu mới cho bên nhận chuyển nhượng. Trường hợp bên chuyển nhượng chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần ghi trong cổ phiếu cũ thì Công ty cũng sẽ cấp miễn phí cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại của bên chuyển nhượng.

Điều 17: Thừa kế cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Trường hợp cổ đông là thể nhân qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hay toàn bộ cổ phần của người đã chết:
 - a. Người thừa kế theo luật định;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp có tranh chấp quyền thừa kế giữa những người thừa kế với nhau cho đến khi được thỏa thuận hoặc được giải quyết bởi tòa án có thẩm quyền;
3. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế sẽ đăng ký các loại cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
4. Trường hợp cá nhân thừa kế là người chưa đủ 18 tuổi, Công ty tạm công nhận tư cách cổ đông của cổ đông này. Trong thời gian người thừa kế cổ phần chưa đủ 18 tuổi thì các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sẽ do người đại diện theo pháp luật thay mặt thực hiện.
5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, nhưng người thừa kế cổ phần này không đương nhiên là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
6. Khi cổ đông là một pháp nhân giải thể, phá sản, sáp nhập, chia, tách, quyền thừa kế của cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các qui định của luật pháp.
7. Người thừa kế hợp pháp sẽ thừa kế các quyền và nghĩa vụ của cổ đông đã chết theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải được lập bằng văn bản.
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói trên, cổ đông nêu tại Khoản 1 Điều này phải gửi yêu cầu Công ty mua lại cổ phần bằng văn bản đến Công ty, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, nêu rõ lý do yêu cầu Công ty mua lại.



3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do 2 bên thương lượng trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

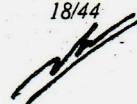
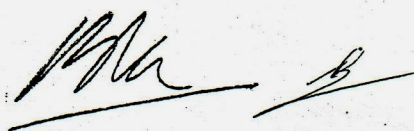
Điều 19: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán, theo các quy định dưới đây:

1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp với giá không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông có thể chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Thông báo phải nêu đầy đủ tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của mình cho Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính, tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.



Điều 21: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức được trả không hợp pháp

Trường hợp Công ty thanh toán cổ phần mua lại của cổ đông trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều 53 của Điều lệ này thì tất cả các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 22: Thanh toán cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác do Hội đồng quản trị thỏa thuận và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 23: Sổ đăng ký cổ đông

Công ty quản lý và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 24: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.
4. Ban kiểm soát.

**MỤC 1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 25: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả những cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

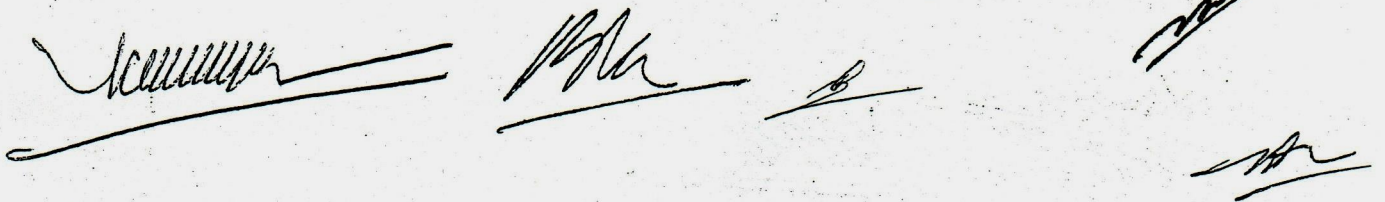


Điều 26: Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa.
3. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp thường niên:
 - a. Quyết định loại cổ phần, tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - d. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất;
 - h. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i. Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
 - j. Thảo luận và thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - k. Quyết định những vấn đề mà Hội đồng quản trị không có quyền quyết định;
 - l. Quyết định những vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 27: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 10 Điều 11 của Điều lệ;
 - d. Theo yêu cầu của BKS;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.



2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định Điều lệ.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.

Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 11 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.

Điều 28: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất một năm 1 lần.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp lệ nếu có số cổ đông hiện diện:
 - a. Triệu tập lần thứ nhất: đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Triệu tập lần thứ hai: đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c. Triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần mà họ đại diện.

Triệu tập họp lần thứ hai được tiến hành trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc, triệu tập họp lần thứ ba được tiến hành trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

3. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

Điều 29: Thể thức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thư mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc Đại hội.
2. Kèm theo thư mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
3. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền cho Ban Tổ chức Đại hội trước khi khai mạc Đại hội.
4. Ban Tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện trước khi họp và kiểm phiếu.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Đại hội. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa.



6. Cổ đông là tổ chức được cử người đang làm việc tại tổ chức đó dự họp Đại hội cổ đông.
7. Chủ tọa thông qua Đại hội bầu ra Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.

Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chương trình làm việc;
 - c. Chủ tọa và thư ký;
 - d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - h. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 31: Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo nguyên tắc công khai, trực tiếp, theo một trong hai hình thức:
 - a. Biểu quyết trực tiếp của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Lấy ý kiến bằng văn bản của các cổ đông có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp thì thực hiện theo nguyên tắc công khai hoặc bỏ phiếu kín được quy định cụ thể như sau:
 - a. Các quyết định sau đây được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
 - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.

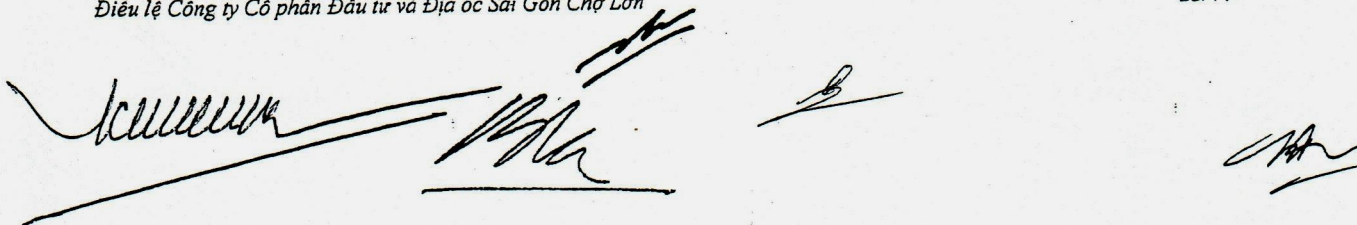


- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thời gian hoạt động của Công ty.
 - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- b. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
4. Việc tổ chức lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản được thực hiện như sau:
- a. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, nội dung phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan (nếu có). Nội dung lấy ý kiến gồm có: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mục đích lấy ý kiến; các vấn đề cần lấy ý kiến; danh mục các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có); phương án biểu quyết “đồng ý”, “không đồng ý”, “ý kiến khác”; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty,...
 - b. Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan (nếu có) đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
 - c. Quá thời hạn cuối cùng mà cổ đông không gửi phiếu lấy ý kiến của mình về cho Công ty thì cổ đông đó được coi như đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến theo phương án “đồng ý”.
 - d. Hội đồng quản trị lập tổ kiểm phiếu, việc kiểm phiếu phải được thực hiện với sự giám sát của Ban kiểm soát; biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị các thành viên tổ kiểm phiếu và đại diện Ban kiểm soát.
 - e. Hội đồng quản trị thông báo kết quả kiểm phiếu và quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đề lấy ý kiến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 32: Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét và hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



2. Trình tự, thủ tục ra Quyết định và Nội dung của Quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

MỤC 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm Pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Công ty.
4. Số thành viên của Hội đồng quản trị tối đa là 5 thành viên.
5. Nhiệm kỳ của các thành viên trong Hội đồng quản trị là 5 năm và có thể được bầu lại vào nhiệm kỳ sau.
6. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, công tác phí và tiền khen thưởng hàng năm. Đối với thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh thì thù lao sẽ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định. Đối với những thành viên không trực tiếp tham gia điều hành thì thù lao sẽ được trích từ lợi nhuận sau thuế.
8. Hội đồng quản trị có thể có một số chuyên viên giúp việc, số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.
9. Thành viên Hội đồng quản trị là đại biểu chính thức dự Đại hội đồng cổ đông.
10. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt, không tham gia họp Hội đồng quản trị trong 03 (ba) kỳ họp Hội đồng quản trị liên tiếp hoặc trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó đương nhiên chấm dứt nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị.
11. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông là tổ chức muốn thay đổi người đại diện cho mình đang là thành viên Hội đồng quản trị thì phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản. Hội đồng quản trị phải họp để xem xét trình Đại hội đồng cổ đông.
12. Trường hợp khiếm khuyết 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị thì trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

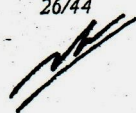
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm trong quản lý điều hành Công ty hoặc trong các ngành nghề kinh doanh;
 - c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
2. Những người thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan không được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 35: Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Quyền hạn:

- a. Quyết định các mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và nhiệm vụ dài hạn trên cơ sở các định hướng chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Công ty. Quyết định thành lập hoặc giải thể các Công ty con, đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý ngành nghề kinh doanh, di dời trụ sở Công ty. Quyết định về việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng của Công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc thì mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc do HĐQT quyết định.
- d. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ, thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 44 Điều lệ này. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị trên 50% cho đến bằng tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty tại quý gần nhất; Ban hành các quy chế nội bộ của Công ty.
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;
- f. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- g. Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại với Đại hội đồng cổ đông; kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- h. Ban hành, giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, mức thu tài chính, nội quy của Công ty.

- i. Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn những nội dung cần sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
 - j. Quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên; quyết định cho bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền cho bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức khác;
 - k. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại;
 - l. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phiếu của Công ty;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - n. Quyết định ban hành các quy chế về: tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật;
 - o. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây ra thiệt hại cho Công ty;
 - p. Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - r. Kiến nghị về việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - s. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - t. Quyết định thành lập hay giải thể các đơn vị trực thuộc của Công ty;
 - u. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, khen thưởng và các quyền lợi khác tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - v. Được cung cấp các phương tiện làm việc và được thanh toán các chi phí hợp lý do Tổng Giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị quyết định;
 - w. Mọi chi phí của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty;
 - x. Sử dụng con dấu, tổ chức văn phòng hoạt động và bộ máy của Công ty;
 - y. Có thư ký và một số chuyên viên giúp việc cho Hội đồng quản trị.
2. Trách nhiệm:
- a. Báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình. Khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết, trả lời chất vấn của Ban kiểm soát, các cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - b. Quản trị Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi thành viên trong Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm do mình gây ra trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty;



- c. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- d. Ban hành, giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, mức thu chi tài chính, nội quy của Công ty;
- e. Chỉ đạo, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo thực hiện các Quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề:
 - f1. Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
 - f2. Tăng giảm vốn điều lệ và sửa đổi điều kiện chuyển nhượng cổ phần;
 - f3. Kiến nghị chiến lược huy động vốn;
 - f4. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
 - f5. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f6. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
 - f7. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 3. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 4. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về những việc do Chủ tịch HĐQT phân công mình phụ trách.
- 5. Nơi làm việc của HĐQT đặt tại trụ sở của Công ty.

Điều 36: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp (theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc của Tổng Giám đốc) và làm chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị bằng các hình thức khác;
 - e. Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản xử lý các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
 - g. Thay mặt HĐQT triệu tập và Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



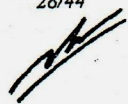
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại sẽ chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán (theo nguyên tắc đôi nhân).

Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất 3/4 thành viên tham dự.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp, những người yêu cầu triệu tập cuộc họp nêu tại điểm b, c khoản 2 Điều này có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị; Chủ tọa cuộc họp này sẽ do các thành viên dự họp bầu ra.
4. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 07 ngày trước ngày họp Hội đồng quản trị. Thông báo họp được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo tài liệu về các vấn đề sẽ được xem xét, quyết định tại cuộc họp.
5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý (theo thể thức quá bán – trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.
6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp. Mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết khi thông qua quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, nếu quá hạn cuối cùng phải gợi ý kiến về Công ty đã được quy định trong phiếu lấy ý kiến mà thành viên Hội đồng quản trị không gợi ý kiến của họ về Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị đó được coi như đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến theo phương án “đồng ý”.
7. Những người được mời tham gia họp Hội đồng quản trị như thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc người khác có quyền phát biểu khi được Hội đồng quản trị mời, nhưng không có quyền biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Biên bản phải được thông qua tất cả các thành viên tham dự cuộc họp.



Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này.
 - c. Có đơn xin từ chức với lý do chính đáng và hợp lý.
 - d. Vi phạm Điều lệ và các quy chế của Công ty.
 - e. Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi bất hợp pháp cho bản thân hoặc người khác, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty và làm thiệt hại lợi ích của Công ty.
 - f. Không đủ trình độ năng lực đảm nhận công việc được giao.
 - g. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - h. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
 - i. Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện nữa.
 - j. Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật
 - k. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải có sự đồng ý của 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Trường hợp khuyết 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày khuyết để bầu bổ sung.
4. Các trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị khác do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

MỤC 3 TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 39: Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
4. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về các công việc được giao.



Điều 40: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Quyền hạn:

- a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;
- b. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- d. Quyết định lương, thưởng và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc. Riêng các chế độ phúc lợi thì Tổng giám đốc thỏa thuận với Chủ tịch công đoàn;
- e. Ký kết các hợp đồng theo quy định pháp luật và phân cấp của Hội đồng quản trị, trong các văn bản, báo cáo chứng từ của Công ty;
- f. Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở khung giá do Hội đồng quản trị duyệt, trừ những hàng hóa do Nhà nước quy định giá;
- g. Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động;
- h. Xây dựng nội quy, ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền;
- i. Được quyết định và chịu trách nhiệm về các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp, thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị, chậm nhất là 3 ngày kể từ ngày ra quyết định;
- j. Tổ chức tốt công tác tài chính kế toán, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm chính xác, trung thực và công khai trong Công ty;
- k. Ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng giám Đốc và các cán bộ quản lý khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền, ủy nhiệm này. Đồng thời những người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách trước Tổng giám đốc và Pháp luật về các công việc được ủy quyền, ủy nhiệm. Người được ủy quyền, ủy nhiệm chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.
- l. Tổng Giám Đốc là người được ủy quyền duy nhất về lĩnh vực tài chính của Công ty và được Hội đồng quản trị giao và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật;
- m. Được quyền quyết định cho đầu tư sản xuất kinh doanh ở mức tối đa bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- n. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện, đề nghị khởi tố và tham gia các vụ kiện có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản;



- o. Tổng Giám đốc được quyền tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị. Nếu Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì không có quyền biểu quyết.
2. Nhiệm vụ:
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược, chính sách kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý Công ty;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - Hội đồng quản trị có thể ấn định giới hạn và thời hạn ủy nhiệm các quyền cho Tổng giám đốc; Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách

- Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.
- Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Tự ý bỏ nhiệm sở từ 20 ngày liên tục trở lên mà không có lý do chính đáng;
 - Vi phạm Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 42: Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- Có trình độ chuyên môn ngành nghề, tốt nghiệp đại học trở lên, có hiểu biết về tài chính doanh nghiệp.
- Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Có phẩm chất, đạo đức và tư cách tốt, chống tham nhũng, tiết kiệm, chăm lo lợi ích tập thể.
- Đủ sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.
- Hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.

7. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác

Điều 43: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của cổ đông và Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận; không được để quyền lợi riêng của mình mâu thuẫn với quyền lợi Công ty.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
4. Khi Công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả thì phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng 7 ngày; không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.
5. Nếu các chủ nợ của Công ty không được thông báo và vì vậy tiếp tục cho Công ty vay vốn thì các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty sẽ phải tự mình chịu trách nhiệm trước các chủ nợ về tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc cho vay.
6. Các cán bộ quản lý của Công ty không được tham gia tiến hành các công việc kinh doanh trực tiếp hoặc gián tiếp cạnh tranh với công việc của Công ty, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và bất cứ cán bộ quản lý nào của Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định trong Điều này, ngoài việc phải bồi thường mọi thiệt hại cho Công ty, người đó còn phải trao trả cho Công ty mọi lợi ích đã thu được từ việc vi phạm đó, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận

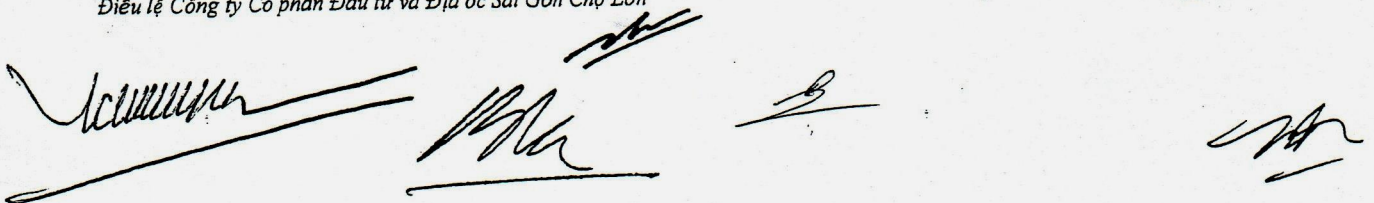
1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

- c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, và người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có cổ phần hoặc có sở hữu phần vốn góp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC 4 BAN KIỂM SOÁT

Điều 45: Quy định chung về Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
2. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban.
3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
5. Thành viên Ban kiểm soát có thể là cổ đông, đại diện của cổ đông là tổ chức hoặc người khác không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.
6. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ, có kinh nghiệm và am hiểu tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;



- c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - d. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội danh khác theo quy định của pháp luật.
7. Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.
 8. Các thành viên Ban kiểm soát có nhiệm kỳ là 5 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội cổ đông tiếp theo đó.
 9. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị, có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 90 ngày để giải quyết công việc đang tồn đọng. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại vào nhiệm kỳ sau.
 10. Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết Thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.
 11. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 46: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

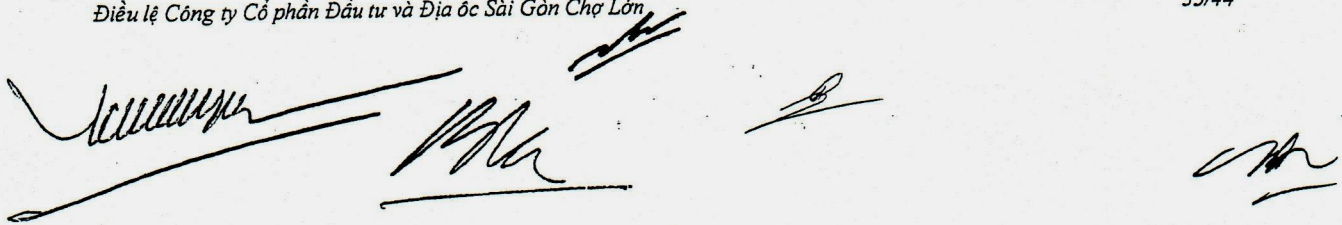
1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất một quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi Hội đồng quản trị và là tài liệu lưu giữ của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán của Công ty;
 - b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý tài chính, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc người đại diện cho nhóm cổ đông được quy định theo khoản 11 Điều 10 Điều lệ này;
 - c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh nếu xét thấy ảnh hưởng lớn đến lợi ích Công ty;
 - d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật;



- f. Tiến hành giám sát đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong quá trình thi hành nhiệm vụ;
 - g. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kiểm tra các bảng tổng kết năm tài chính của Công ty;
 - h. Được quyền yêu cầu cán bộ quản lý nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - i. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra quyết toán tài chính của Công ty. Trường hợp phát hiện những hành vi tổn thất đến kết quả kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường;
 - j. Thành viên Ban kiểm soát phải trung thực thi hành chức trách giám sát của mình theo pháp luật và theo Điều lệ Công ty. Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Công ty;
 - k. Phải kịp thời báo cáo về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty và ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Ban lãnh đạo Công ty;
 - l. Thành viên Ban kiểm soát có thể được tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị khi được mời, được phát biểu ý kiến, được kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết;
 - m. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty;
 - n. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc kiểm tra không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Điều 47: Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
- 2. Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập và ký các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát, trao đổi ý kiến với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Trưởng Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng cổ đông.
- 5. Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị.
- 6. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt thì Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền thành viên trong Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. Trường hợp



không có người ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 48: Từ chức, miễn nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp:
 - a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có đơn xin từ chức với lý do chính đáng và hợp lý.
 - c. Vi phạm Điều lệ và các quy chế của Công ty.
 - d. Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi bất hợp pháp cho bản thân hoặc người khác, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty và làm thiệt hại lợi ích của Công ty.
 - e. Không đủ trình độ năng lực đảm nhận công việc được giao.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên thì Hội đồng quản trị tạm thời cử người thay thế cho đến khi Đại hội đồng cổ đông gần nhất được triệu tập để bầu bổ sung.
3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban nhưng vẫn là thành viên Ban kiểm soát phải có đơn gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét và quyết định.
4. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên Ban kiểm soát tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên chấm dứt nhiệm vụ, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc từ chức, Đại hội đồng cổ đông phải được tiến hành để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Công ty; sau đó Ban kiểm soát tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
5. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức hoặc cổ đông là pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang là thành viên Ban kiểm soát thì phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Trong trường hợp khuyết 1/3 số thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này các thành viên Ban kiểm soát còn lại phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông phải được tiến hành để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
7. Việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải có sự đồng ý của 2/3 thành viên Ban kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 49: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông thành lập Trường Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên.
2. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Ít nhất 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Trường Ban kiểm soát.
 - d. Ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát.
 - e. Tổng Giám đốc.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 2 lần đề nghị liên tiếp mà Trường Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm chức danh Trường Ban kiểm soát.
4. Thông báo họp và chương trình họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 07 ngày trước ngày họp của Ban kiểm soát. Thông báo họp được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo tài liệu về các vấn đề sẽ được xem xét, quyết định tại cuộc họp Ban kiểm soát.
5. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát trở lên tham dự cuộc họp.
6. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị đương nhiên chấm dứt nhiệm vụ.
7. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có 01 phiếu biểu quyết khi thông qua quyết định.
8. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có quá bán số thành viên Ban kiểm soát dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu chấp thuận và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu của Trường Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IV NĂM TÀI KHOÁ, CHẾ ĐỘ HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ, CHIA CỔ TỨC

Điều 50: Năm tài khoá

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Riêng năm đầu tiên thành lập Công ty, năm tài chính bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.



Điều 51: Chế độ hạch toán

1. Công ty phải thiết lập hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định về Pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành của Nhà nước. Các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.
2. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các bảng báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
3. Các tài liệu nêu ở khoản 2 Điều này phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít nhất 30 ngày và để tại văn phòng Công ty cho cổ đông tham khảo ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội cổ đông.
4. Công ty phải thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
5. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải phản ánh trung thực (tổng số và chi tiết) tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi (lỗ) của Công ty.
6. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ bảo quản, lưu giữ hồ sơ tài liệu kế toán hiện hành.
7. Tất cả các văn bản, chứng từ có liên quan đến tài chính phải được lưu tại văn phòng Công ty trong 3 năm liền để các cổ đông xem xét khi cần thiết.

Điều 52: Chế độ phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1. Cuối mỗi năm tài chính, lợi nhuận sau thuế của Công ty dự trù được phân chia như sau:
 - a. Lập quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn điều lệ cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ Công ty.
 - b. Lập các quỹ khác:
 - Tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án trích lập các quỹ: đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, ...; và mức chia cổ tức hàng năm.
 - Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
2. Việc trả cổ tức tùy tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cho cổ đông và việc quyết định chính thức chia cổ tức cho kỳ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm trước sẽ được Hội đồng quản trị thông qua và thông báo cho Đại hội đồng cổ đông gần nhất (theo từng thời hạn 3 tháng hoặc 6 tháng).
3. Quỹ khen thưởng dùng để chi khen thưởng cho CB-CNV Công ty trong đó có Hội đồng quản trị, Ban kiểm Soát và các đối tác khác có góp phần tạo nên hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



4. Quỹ phúc lợi dùng để chi cho các chế độ phúc lợi xã hội của CB-CNV Công ty trong đó có Hội đồng quản trị, Ban kiểm Soát và cho các hoạt động xã hội bên ngoài Công ty như: bệnh nhân nghèo, nhà tình thương, nhà tình nghĩa, trẻ em khuyết tật và các chương trình xã hội phúc lợi khác.

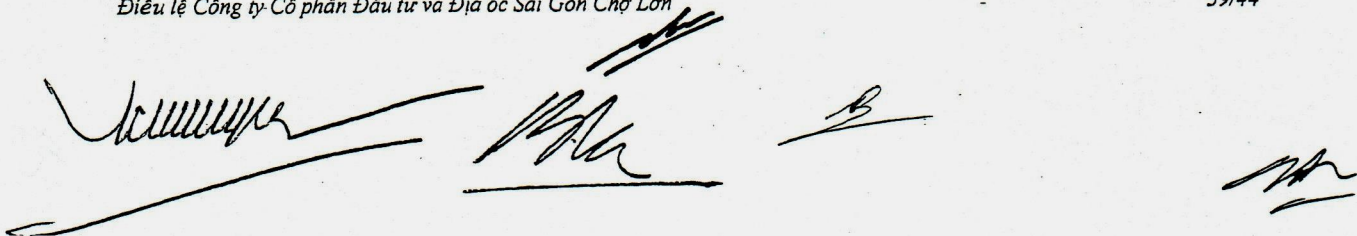
Điều 53: Trả cổ tức

1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lợi nhuận, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.
2. Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông cổ tức sẽ được công bố và chi trả cho các cổ đông, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên và địa chỉ của những cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
4. Công ty sẽ không trả tiền lãi của cổ tức hoặc bất cứ khoản tiền thêm nào cho cổ đông trong khoảng thời gian từ lúc ra thông báo yêu cầu cổ đông đến nhận cổ tức cho đến khi cổ đông đến nhận cổ tức.
5. Trong năm tài chính nếu tình hình cho phép, Hội đồng quản trị có thể ứng trước cổ tức 3 tháng hoặc 6 tháng một lần cho cổ đông trong phạm vi 50% số lãi hàng năm dành cho chi trả cổ tức.
6. Trường hợp việc thanh toán cổ tức trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì tất cả các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả lại cho Công ty.

CHƯƠNG V CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - c. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết việc giải thể Công ty.
 - d. Hết thời hạn ghi trong Điều lệ Công ty mà không tiếp tục gia hạn.
 - e. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



- f. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông giải thể Công ty. Các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty.
 - g. Quyết định đình chỉ hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông phải thông qua quyết định giải thể và thành lập Tổ Thanh lý thay thế Hội đồng quản trị, phối hợp cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý. Quyết định giải thể phải có các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, trụ sở Công ty;
 - b. Lý do giải thể;
 - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 6 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - e. Tổ Thanh lý tài sản phải quy định rõ quyền và nhiệm vụ;
 - f. Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật.
3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan cấp Giấy đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ kèm theo thông báo giải quyết nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty; quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo liên tiếp trong 3 số.

Điều 55: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 56: Phá sản, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

1. Việc phá sản Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.
2. Công ty thực hiện việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 57: Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Tổ thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và

một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Tổ thành lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thành lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thành lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Tổ thành lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Tổ thành lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thành lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thành lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thành lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên;
 - c. Thuế và các chi phí khác có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG VI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì các bên cùng thỏa thuận thuê trọng tài để yêu cầu giải quyết tranh chấp.



2. Nếu trong 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải vẫn không được các bên chấp nhận, các bên có thể gửi đơn yêu cầu tòa án giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.
4. Nguyên tắc tổ tụng tranh chấp:
 - a. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi tham gia tổ tụng tranh chấp.
 - b. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, Công ty tuân theo các quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - c. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và quyền lợi của Công ty.

Điều 59: Người lao động

1. Việc tuyển dụng lao động, trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động được ký kết giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) với người lao động và phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và Điều lệ này.
2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ các nội quy, quy định về lao động, kỷ luật của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty.

CHƯƠNG VII QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY

Điều 60: Quan hệ giữa Tổng công ty và Công ty

Quan hệ giữa Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Công ty cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn là quan hệ giữa Công ty mẹ - Công ty con: Công ty cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ là Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

15803
CÔNG TY
HẠN
TẠI ĐỊA ỐC
CHỢ LỚN
HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 61: Điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 8 chương 62 điều có hiệu lực thi hành kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua từng chương, từng điều cũng như chấp thuận toàn bộ và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Mọi sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và không được trái với Pháp luật.
3. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Điều lệ này được lập thành mười (10) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty như sau:
 - Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước TP. HCM;
 - Bốn (04) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của UBND TP. HCM;
 - Năm (05) bản lưu tại văn phòng Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 62: Điều khoản cuối cùng

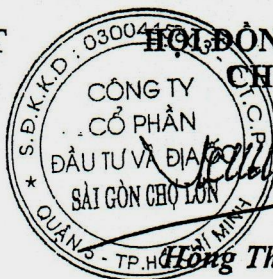
Khi áp dụng Bản Điều lệ này vào hoạt động của Công ty, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được quy định hoặc quy định không rõ thì sẽ được xem xét và giải quyết theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Thanh Hải



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồng Thị Kim Tuyền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Đức Phụng

:.....

2. Ông Dương Hoàng Duyên

:.....

3. Ông Bùi Tiến Thắng

:.....

